TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 102/2025/DS-ST Ngày: 28 – 4 – 2025 V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Huệ.

Ông Trần Hoàng Giang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 641/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* 1/ Bà Võ Kim T, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

2/ Bà Huỳnh Kiều O, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

3/ Ông Trần Văn T (Vắng mặt).

4/ Ông Võ Việt N (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2024 nguyên đơn ông Nguyễn Việt S trình bày: Vào ngày 06/6/2022 dương lịch bà T và bà O có mua tại cửa hàng các tài sản gồm: 10 bộ bàn mika, 10 bộ phuy, 01 máy sinh tố, 03 cái Camera, 01 bếp gas, 02 cây quạt hơi, 01 bộ âm thanh, 01 bộ bàn ghế mây, 01 bộ ngôi nhà, 01 nệm, 01 tủ bếp còn nợ số tiền 137.610.000 đồng. Quá trình nhận hàng thì bà T và bà O có ký tên vào biên nhận nợ, cam kết thời hạn thanh toán vào ngày 06/7/2022. Bà T đã trả nhiều lần tổng cộng 77.306.000 đồng. Ông đã liên hệ nhiều lần nhưng bà T và bà O hẹn

nhưng vẫn chưa trả, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nay ông yêu cầu giải quyết buộc bà T và bà O trả số tiền còn nợ 60.304.000 đồng và lãi chậm trả 10%/năm từ ngày 06/6/2022 đến ngày khởi kiện 22/7/2024 và yêu cầu tính lãi đến khi Toà án giải quyết xong vụ án.

Ngày 13/01/2025 nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung: Do ông T là chồng bà T, ông N là chồng bà O nên phải cùng với bà O và bà T có trách nhiệm trả nợ.

Bị đơn bà T, ông T, bà O và ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của ông Sử.

Tại phiên toà:

- Ông S trình bày: Yêu cầu bà T, ông T, bà O và ông N liên đới thanh toán số tiền mua bán còn nợ 60.304.000 đồng và lãi chậm trả 10%/năm từ ngày 06/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Bà T, ông T, bà O và ông N vắng mặt không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Việt S khởi kiện bà Võ Kim T, ông Trần Văn T, bà Huỳnh Kiều O, ông Võ Việt N trả số tiền mua bán còn nợ nên đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Võ Kim T, ông Trần Văn T, bà Huỳnh Kiều O, ông Võ Việt N cư trú tại Khóm 4, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Võ Kim T, ông Trần Văn T, bà Huỳnh Kiều O, ông Võ Việt N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét về nội dung tranh chấp: Ông S yêu cầu bà T, ông T, bà O và ông N trả số tiền mua bán còn nợ 60.304.000 và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông S cung cấp biên nhận nợ được lập vào ngày 06/6/2022 do bà O và bà T ký xác lập, nội dung thể hiện bà O và bà T còn nợ ông S số tiền 137.610.000 đồng, hẹn thời hạn thanh toán vào ngày 06/7/2022. Ông S xác định sau khi mua hàng đến nay thì bà T đã trả cho ông nhiều lần tổng cộng 77.306.000 đồng, còn nợ 60.304.000 đồng đến nay không trả. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà T có gửi đơn đề nghị ngày 24/3/2025 cho rằng: Ông N, bà O và ông

T không liên quan đến việc mua bán giữa bà và ông S. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng mua bán có bà T và bà O ký tên xác lập. Do, ông N là chồng bà O và ông T là chồng bà T cùng phải có trách nhiệm thanh toán nợ trong thời kỳ hôn nhân. Hơn nữa, ông N, bà Tvà ông T đều không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do ông S cung cấp. Do đó, việc ông S khởi kiện buộc bà T, ông T, bà O và ông N liên đới trả cho ông S số tiền mua bán còn nợ 60.304.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Do bà T, ông T, bà O và ông N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn theo thỏa thuận nên việc nguyên đơn yêu cầu trả lãi trên số tiền chậm trả là phù hợp, thời gian chậm trả tính từ ngày 06/6/2022 đến ngày xét xử sở thẩm ngày 28/4/2025 là 02 năm 10 tháng 22 ngày x 10%/năm x 60.304.000 đồng = 17.449.609 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 60.304.000 đồng + 17.449.609 đồng = 77.753.609 đồng. Từ những nhận định, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T, ông T, bà O và ông N liên đới thanh toán cho ông S tổng số tiền mua bán và lãi chậm trả 77.753.609 đồng là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S được Toà án chấp nhận nên bà T, ông T, bà O và ông N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S.

Buộc bà Võ Kim T, ông Trần Văn T, bà Huỳnh Kiều O và ông Võ Việt N liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Việt S tổng số tiền mua bán và lãi còn nợ 77.753.609 đồng (Bảy mươi bảy triệu bảy trăm năm ba nghìn sáu trăm lẻ chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Võ Kim T, ông Trần Văn T, bà Huỳnh Kiều O và ông Võ Việt N phải chịu số tiền 3.887.000 đồng (làm tròn số).

(Trong đó bà Võ Kim T, ông Trần Văn T, bà Huỳnh Kiều O và ông Võ Việt N mỗi người phải chịu 971.750 đồng).

- Ông Nguyễn Việt S đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 1.828.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003646 ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, ông S được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Như